

**BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA**

Số: 144/TTMS-NVD

V/v báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung thuốc quốc gia Quý I/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 8 tháng 05 năm 2019

Kính gửi:

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Y tế các Bộ/ngành;
- Các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Các Công ty được lựa chọn trúng thầu

Căn cứ theo Quyết định số 06/QĐ-TTMS ngày 20/3/2018 về việc ban hành Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu và công văn số 103/TTMS-NVD ngày 03/4/2019 về việc hướng dẫn báo cáo tình hình thực hiện kết quả ĐTTT cấp Quốc gia và Đàm phán giá, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm MSTTQG) tổng hợp tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc đến 31/3/2019 theo báo cáo của nhà thầu, kết quả cụ thể như sau:

I. Tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc đến 31/3/2019:

1. Giá trị thực hiện đến ngày 31/3/2019 theo báo cáo của nhà thầu, cụ thể:

- Các gói thầu cung cấp 05 thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG cho các cơ sở y tế năm 2018-2019: thực hiện 44,75% (1.044.524.887.655 VNĐ/ 2.334.013.982.578 VNĐ);
- Các gói thầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG cho các cơ sở y tế năm 2019-2020: thực hiện 2,31% (156.515.297.308 VNĐ/ 6.779.526.955.240 VNĐ);
- Các gói thầu cung cấp 4 thuốc thuộc Danh mục Đàm phán giá: thực hiện 3,23% (78.087.074.440 VNĐ/ 2.420.025.344.334 VNĐ)

(Chi tiết tại bảng 1 đính kèm)

2. Kết quả thực hiện đến 31/3/2019 tính theo từng hoạt chất của kết quả đấu thầu tập trung Quốc gia cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế năm 2018-2019:

- Giá trị thực hiện thuốc Anastrozol 1mg cao nhất 64,7%.
- Giá trị thực hiện thuốc Paclitaxel 100mg thấp nhất 26,75% (đặc biệt Paclitaxel 100mg nhóm 2+5 có tỷ lệ thực hiện 05 quý chỉ đạt 10,0%, Paclitaxel 100mg nhóm 3 có tỷ lệ thực hiện 01 quý đạt 1,7%).
- Tỷ lệ thực hiện của Docetaxel 80mg, Capecitabin 500mg, Oxaliplatin 100mg lần lượt là 43,4%; 47,83% và 47,05%.
- Tính theo từng nhóm thuốc: Đối với tất cả các hoạt chất, Biệt dược gốc chiếm tỷ lệ thực hiện cao nhất, sau đó đến thuốc generic nhóm 1. Các thuốc generic nhóm 2,3,5 đều có tỷ lệ thực hiện thấp hơn 31,25% (trừ Capecitabin 500mg nhóm 3+5).

3. Kết quả thực hiện của các Sở Y tế, Bệnh viện trung ương đối với các gói thầu cung cấp 05 thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG cho các cơ sở y tế năm 2018-2019:

- Có 31/59 Sở Y tế tỉnh/thành phố và 10/22 Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có giá trị thực hiện kết quả trúng thầu thấp so với giá trị trúng thầu được phân bổ (dưới 31,25%).
- Danh sách 15 đơn vị có giá trị phân bổ trên 5 tỷ VNĐ nhưng có tỷ lệ thực hiện thấp (dưới 31,25%) tại Bảng 3 kèm theo công văn này.

4. Chi tiết kết quả thực hiện tại file báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu tập trung cấp quốc gia kèm theo công văn này được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế tại địa chỉ <http://moh.gov.vn> (kéo xuống phía cuối góc phải mục “văn bản mới công bố” kích vào “tìm kiếm” sau đó chọn cơ quan ban hành: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia).

- *Phụ lục 1:* Báo cáo Quý I/2019 chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ sở y tế các thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia cung cấp cho các cơ sở y tế năm 2018-2019. Các cơ sở y tế cần lưu ý các hoạt chất đến 31/3/2019 có tỷ lệ nhập hàng dưới 31,25% số lượng được phân bổ.
- *Phụ lục 2:* Báo cáo Quý I/2019 chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ sở y tế các thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia cung cấp cho các cơ sở y tế năm 2019-2020.
- *Phụ lục 3:* Báo cáo Quý I/2019 chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ sở y tế các thuốc thuộc danh mục Đàm phán giá.
- *Phụ lục 4:* Kết quả thực hiện theo hoạt chất của tất cả các gói thầu của Trung tâm MSTTQG.
- *Phụ lục 5:* Báo cáo tổng hợp giá trị thực hiện của các SYT và các BVTW.

II. Trung tâm MSTTQG đề nghị các cơ sở y tế một số nội dung như sau:

1. Đảm bảo thực hiện kết quả trúng thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia cân đối giữa các nhóm thuốc và theo đúng quy định tại Điều 28 Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế về việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập. Đề nghị các đơn vị tăng cường sử dụng các nhóm thuốc hiện đang có tỷ lệ sử dụng thấp hơn các nhóm khác gồm:

- + Anastrozol 1mg nhóm 3+5
- + Capecitabin 500mg nhóm 2
- + Docetaxel 80mg nhóm 2+5
- + Oxaliplatin 100mg nhóm 1,2,3,5
- + Paclitaxel 100mg các nhóm.

2. Các đơn vị có hoạt chất đã thực hiện trên 80% hoặc dưới 31,25% số lượng phân bổ chủ động tra cứu thông tin tại Phụ lục 1 file báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu tập trung cấp quốc gia cập nhật hàng quý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc dữ


liệu phần mềm của Trung tâm MSTTQG tại địa chỉ ttms.moh.gov.vn để lập kế hoạch điều tiết thuốc đảm bảo cung ứng thuốc cho nhu cầu điều trị.

3. Bắt đầu từ Quý I/2019, Trung tâm MSTTQG đã triển khai phần mềm hỗ trợ báo cáo và điều chuyển thuốc ĐTTT, đàm phán giá. Đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện báo cáo và điều tiết trên phần mềm. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc chưa rõ, đề nghị các đơn vị thông báo về Trung tâm MSTTQG để cùng xem xét, phối hợp giải quyết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Nguyễn Trường Sơn (để báo cáo);
- GD Trung tâm MSTTQG (để báo cáo);
- Công TT Điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, NVD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



The stamp is circular with a red border. Inside, the text reads: "TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA" in red capital letters. A small red star is at the bottom center. A blue ink signature is written across the stamp.

Nguyễn Quỳnh Hoa

Bảng 1: Kết quả thực hiện theo gói thầu

STT	MÃ GÓI THẦU	TÊN GÓI THẦU	GIÁ TRỊ TRÚNG THẦU	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN ĐẾN 31/3/2019	TỶ LỆ THỰC HIỆN
Các gói thầu cung cấp 05 thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG cung cấp cho các cơ sở y tế năm 2018-2019			2.334.013.982.578	1.044.524.887.655	44,75%
1	ĐTTT.BDG.01.2017	Cung cấp thuốc biệt dược gốc năm 2018-2019	1.602.455.605.109	763.493.510.365	47,65%
2	ĐTTT.Generic.02.2017	Cung cấp thuốc Generic cho các tỉnh miền Bắc (trừ trung du, miền núi) năm 2018-2019	261.519.537.348	96.884.360.114	37,05%
3	ĐTTT.Generic.03.2017	Cung cấp thuốc Generic cho các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc năm 2018-2019	33.633.228.349	15.587.523.890	46,35%
4	ĐTTT.Generic.04.2017	Cung cấp thuốc Generic cho các tỉnh miền Trung năm 2018-2019	110.617.456.324	33.031.236.992	29,86%
5	ĐTTT.Generic.05.2017	Cung cấp thuốc Generic cho các tỉnh miền Nam năm 2018-2019	325.788.155.448	135.528.256.294	41,60%
Các gói thầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG cung cấp cho các cơ sở y tế năm 2019-2020			6.779.526.955.240	156.515.297.308	2,31%
6	ĐTTT.Generic.01.2018	Cung cấp thuốc capecitabin 500mg nhóm 2 cho các cơ sở y tế trên toàn quốc	24.922.765.000	1.136.212.000	4,56%
7	ĐTTT.Generic.08.2018	Cung cấp một số thuốc nhóm 3 cho các tỉnh miền Bắc năm 2019-2020	14.662.792.410	904.291.500	6,17%
8	ĐTTT.Generic.09.2018	Cung cấp một số thuốc nhóm 3 cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên năm 2019-2020	13.720.583.310	100.333.800	0,73%
9	ĐTTT.Generic.10.2018	Cung cấp một số thuốc nhóm 3 cho các tỉnh miền Nam năm 2019-2020	14.501.405.310	183.393.000	1,26%
10	ĐTTT.BDG.2018	Cung cấp thuốc Biệt dược gốc năm 2019-2020	6.711.719.409.210	154.191.067.008	2,30%
Đàm phán giá năm 2018					
11	ĐPG.BDG.2018	Cung cấp thuốc Biệt dược gốc theo hình thức Đàm phán giá năm 2018	2.420.025.344.334	78.087.074.440	3,23%

Bảng 2: Kết quả thực hiện theo hoạt chất đối với các thuốc thuộc danh mục Đầu thầu tập trung Quốc gia cung cấp cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2018-2019

STT	TÊN HOẠT CHẤT	NỒNG ĐỘ, HÀM LƯỢNG	NHÓM TCKT	GIÁ TRỊ TRÚNG THẦU PHÂN BỐ + MUA BỔ SUNG, ĐIỀU TIẾT ĐẾN 31/3/19	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN ĐẾN 31/3/19	TỶ LỆ THỰC HIỆN
1	Anastrozol	1mg		114.451.316.014	74.040.620.608	64,7%
1.1	Anastrozol	1mg	Biệt dược	92.620.844.734	63.253.403.928	68,3%
1.2	Anastrozol	1mg	Nhóm 1 +2	17.913.877.200	9.620.217.280	53,7%
1.3	Anastrozol	1mg	Nhóm 3 +5	3.916.594.080	1.166.999.400	29,8%
2	Capecitabin	500mg		938.494.809.126	448.853.097.760	47,83%
2.1	Capecitabin	500mg	Biệt dược	500.960.043.914	260.897.132.760	52,1%
2.2	Capecitabin	500mg	Nhóm 1	375.202.046.130	172.835.016.840	46,1%
2.3	capecitabin	500mg	Nhóm 2*	24.922.765.000	1.136.212.000	4,6%
2.4	Capecitabin	500mg	Nhóm 3 +5	37.409.954.082	13.984.736.160	37,4%
3	Docetaxel	80mg		469.521.937.599	203.747.681.239	43,4%
3.1	Docetaxel	80mg	Biệt dược	391.527.700.598	175.731.593.357	44,9%
3.2	Docetaxel	80mg	Nhóm 1	59.864.314.498	24.315.195.071	40,6%
3.3	Docetaxel	80mg	Nhóm 2 + 5	18.129.922.503	3.700.892.811	20,4%
4	Oxaliplatin	100mg		412.967.018.983	194.314.873.020	47,05%
4.1	Oxaliplatin	100mg	Biệt dược	280.520.976.183	160.752.120.320	57,3%
4.2	Oxaliplatin	100mg	Nhóm 1	85.327.063.900	25.545.250.900	29,9%
4.3	Oxaliplatin	100mg	Nhóm 2 + 5	29.007.178.200	7.251.043.800	25,0%
4.4	Oxaliplatin	100mg	Nhóm 3**	18.111.800.700	766.458.000	4,23%
5	Paclitaxel	100mg		470.621.981.362	125.892.845.328	26,75%
5.1	Paclitaxel	100mg	Biệt dược	340.407.585.000	102.859.260.000	30,2%
5.2	Paclitaxel	100mg	Nhóm 1	83.124.910.282	20.373.461.778	24,5%
5.3	Paclitaxel	100mg	Nhóm 2 + 5	22.316.505.750	2.238.563.250	10,0%
5.4	Paclitaxel	100mg	Nhóm 3**	24.772.980.330	421.560.300	1,70%

* Thuốc được thực hiện bắt đầu từ 1/7/2018 (được 03 quý)

** Thuốc được thực hiện bắt đầu từ 01/01/2019 (được 01 quý).

Bảng 3: Danh sách 15 Sở Y tế tỉnh/thành phố và Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu dưới 31,25% so với giá trị trúng thầu được phân bổ (đối với các gói thầu cung cấp 05 thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG cung cấp cho các cơ sở y tế năm 2018-2019)

STT	Tên đơn vị	Giá trị trúng thầu + điều tiết (VNĐ)	Giá trị thực hiện đến 31/3/2019 (VNĐ)	Tỷ lệ thực hiện đến 31/3/2019	Các hoạt chất có tỷ lệ thực hiện dưới 31,25%
MIỀN BẮC					
1	Bệnh viện Bạch Mai	206.058.466.500	43.544.836.704	21,13%	Anastrozol, Capecitabin, Docetaxel, Paclitaxel
2	SYT Hải Phòng	91.265.032.411	9.283.620.905	10,17%	Docetaxel, Oxaliplatin, Paclitaxel
3	Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	27.912.983.100	1.145.557.807	4,10%	Anastrozol, Docetaxel, Oxaliplatin, Paclitaxel
4	Bệnh viện Phụ sản TW	5.154.084.488	317.715.944	6,16%	Docetaxel
MIỀN TRUNG					
1	SYT Đà Nẵng	125.423.157.930	38.343.726.184	30,57%	Anastrozol, Capecitabin
2	SYT Nghệ An	85.625.971.002	19.536.766.704	22,82%	Anastrozol, Oxaliplatin, Paclitaxel
3	Bệnh viện C Đà Nẵng	53.040.547.786	1.702.617.263	4,10%	Anastrozol, Docetaxel, Oxaliplatin, Paclitaxel
4	SYT Thừa Thiên Huế	18.538.050.371	5.452.525.365	29,41%	Docetaxel, Oxaliplatin, Paclitaxel
5	SYT Quảng Trị	5.702.300.699	698.533.542	12,25%	Anastrozol, Capecitabin, Docetaxel, Oxaliplatin, Paclitaxel
6	SYT Quảng Nam	5.670.504.200	1.345.623.740	23,73%	Docetaxel, Oxaliplatin, Paclitaxel
MIỀN NAM					
1	SYT Đồng Nai	21.083.278.725	3.496.461.668	16,60%	Docetaxel, Oxaliplatin
2	SYT Bến Tre	20.663.399.900	923.142.200	4,47%	Anastrozol, Capecitabin, Docetaxel, Oxaliplatin, Paclitaxel
3	Bệnh viện đa khoa TW Cần Thơ	11.436.361.040	1.161.606.784	10,16%	Capecitabin, Oxaliplatin, Paclitaxel
4	Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	6.580.445.370	150.764.268	2,29%	Anastrozol, Capecitabin, Docetaxel, Oxaliplatin, Paclitaxel
5	SYT Kiên Giang	5.204.612.240	986.823.480	18,96%	Anastrozol, Capecitabin, Docetaxel, Oxaliplatin, Paclitaxel